

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1981; ĐKHKTT: xóm 2, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: xóm 5, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn P, sinh năm 1980; ĐKHKTT: xóm 2, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: xóm 5, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày: Chị và anh Phan Văn P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã K, huyện K; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 5, xã K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Bản thân chị đã tìm mọi cách để hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Vì mâu thuẫn nên chị và anh P đã ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phan Hùng A, sinh ngày 30/12/2007 và Phan Thị Khánh A, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi con cho chị mỗi tháng 3.000.000đ; Cụ thể cháu Phan Hùng A mỗi tháng 1.500.000đ, cháu Phan Thị Khánh A 1.500.000đ; kể từ tháng 8/2019 đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn P trong bản tự khai trình bày: anh xác nhận điều kiện kết hôn, diễn biến mâu thuẫn như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu giải quyết việc ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên anh nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Anh P công nhận vợ chồng có 02 con chung là Phan Hùng A, sinh ngày 30/12/2007 và Phan Thị Khánh A, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh nhất trí để chị T nuôi con và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị T, cụ thể cháu Phan Hùng A mỗi tháng 1.500.000đ, cháu Phan Thị Khánh A 1.500.000đ. Thời điểm đóng góp kể từ tháng 8/2019 đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản: Anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do bận công việc phải đi làm ăn xa, anh P không thể tham gia vào giải quyết vụ án được nên anh có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Con chung của vợ chồng anh chị là cháu Phan Hùng A thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật hôn nhân gia đình có nguyện vọng được ở với chị T khi chị T và anh P ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14.

Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phan Văn P. Giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Phan Hùng Anh, sinh ngày 30/12/2007 và Phan Thị Khánh A, sinh ngày 20/11/2013; anh P phải đóng góp tiền nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 3.000.000đ; Cụ thể cháu Phan Hùng A mỗi tháng 1.500.000đ, cháu Phan Thị Khánh A 1.500.000đ; Thời điểm đóng góp kể từ tháng 8/2019 đến khi các con chung thành niên; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và chấp nhận đề xuất nộp thay án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phan Văn P, hiện cư trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Phan Văn P đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật anh P không tham gia phiên tòa, có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phan Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Chị T và anh P đều xác định vì mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã tìm mọi cách giải quyết nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm; đến nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nên đều đề nghị Tòa án giải quyết giải phóng cho cả hai bên.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh P tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú thì chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn nên nhiều năm nay đã sống ly thân.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh P hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh P là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : chị T và anh P đều xác định vợ chồng chỉ có 02 con chung là Phan Hùng A, sinh ngày 30/12/2007 và Phan Thị K An, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T có yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai cháu, anh P cũng nhất trí để chị T nuôi cả hai con chung. Con chung khi được hỏi nguyện vọng cũng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên việc giao cả hai con chung cho chị T, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn chị T yêu cầu anh P phải cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho cả hai con chung; Cụ thể cháu Phan Hùng A mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), cháu Phan Thị Khánh A 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời điểm đóng góp kể từ tháng 8/2019 đến khi các con chung thành niên; yêu cầu của chị T được anh P chấp nhận. do đó căn cứ Điều 81 luật HNGĐ cần buộc anh P phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ tháng 8/2019 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản: cả hai bên đương sự đều xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 thì chị Thơm phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và anh P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung; nhưng chị T xin nộp thay cho anh P án phí cấp dưỡng nuôi con, xét đề nghị đề nghị của chị T nộp án phí cho anh P là tự nguyện cần chấp nhận. .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 83, 110, 116 và 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phan Văn P.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Phan Hùng A, sinh ngày 30/12/2007 và Phan Thị Khánh A, sinh ngày 20/11/2013 đến khi thành niên.

Anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 03 triệu đồng/ tháng; cụ thể cháu A 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 8/2019 đến

khi thành niên; cháu A 1.500.00đ/tháng kể từ tháng 8/2019 đến khi thành niên. Không bên nào được quyền ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3087 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã KH;
- Lưu HS &VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh